

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1

DIRECTORATE FOR STANDARDS
METROLOGY AND QUALITY
QUALITY ASSURANCE AND
TESTING CENTER 1

GIẤY CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP QUY CHUẨN KỸ THUẬT
CERTIFICATE OF CONFORMITY TO TECHNICAL REGULATION

Số/No: HQ.22.00.0009

Chứng nhận sản phẩm/*this is to certify that:*

Dây và cáp điện
(Chi tiết danh mục đính kèm)

Nhãn hiệu thương mại/*trade mark:*



Được sản xuất tại/*produced in:*

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 43

Địa chỉ/*address:* Thôn Liên Minh, xã Thụy An, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội

Phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia/*conforms to:*

QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1: 2016 QCVN 4:2009/BKHCN
VÀ ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG DẤU HỢP QUY (CR)
and can bear technical regulation mark

Phương thức chứng nhận/*system certify:*

Phương thức 5

(Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Giấy chứng nhận và Dấu phù hợp quy chuẩn kỹ thuật có giá trị từ/*this certificate and the mark is valid from:*

04 / 01 / 2022 đến/to 04 / 01 / 2025

GIÁM ĐỐC
Director



Dấu hợp quy/regulation mark

Kim Đức Chu

Số: *11* /QĐ-KT1

Hà Nội, ngày *04* tháng *01* năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1

Căn cứ Quyết định số 683/QĐ-TĐC ngày 22/4/2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1;

Căn cứ Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc “Quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật” và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN”;

Căn cứ Quyết định số 1989/QĐ-TĐC ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng về việc “Ban hành hướng dẫn chứng nhận hợp quy đối với thiết bị điện và điện tử phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN”;

Căn cứ báo cáo thẩm xét hồ sơ và kiến nghị cấp Giấy chứng nhận của Đoàn chuyên gia đánh giá được thành lập theo Quyết định số 990/QĐ-KT1 ngày 06/07/2021;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Chứng nhận,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận số HQ.22.00.0009 cho sản phẩm Dây và cáp điện (chi tiết danh mục đính kèm) do Công ty TNHH một thành viên 43 sản xuất phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 36 tháng kể từ ngày 04/01/2022.

Điều 2. Công ty TNHH một thành viên 43 được quyền sử dụng Dấu hợp quy theo quy định của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 và Thông tư 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 đối với các sản phẩm thuộc phạm vi chứng nhận trong thời hạn nêu trên.

Điều 3. Công ty TNHH một thành viên 43 và Trưởng phòng Chứng nhận chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, P.CN.

GIÁM ĐỐC



Him Đức Thu

Danh mục các sản phẩm Dây và cáp điện được chứng nhận hợp quy

phù hợp QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN của Công ty TNHH một thành viên 43

(Kèm theo Quyết định cấp Giấy chứng nhận số 11 /QĐ-KT1 ngày 04 tháng 04 năm 2024 và Giấy chứng nhận hợp quy số HQ.22.00.0009 của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1



STT	Sản phẩm	Nhãn hiệu	Kiểu	Điện áp danh định	Mặt cắt danh nghĩa ruột dẫn (mm ²)	Tiêu chuẩn công bố áp dụng
1.	Cáp cách điện bằng PVC, có điện áp danh định đến và bằng 450/750V	 43 COMPANY	Cáp không có vỏ bọc dùng để lắp đặt cố định 6610 TCVN 01 (227 IEC 01)	450/750V	1,5; 2,5; 4,0; 6,0; 10	TCVN 6610-3:2000 (IEC 227-3:1993 Amendment 1:1997)
2.	Cáp cách điện bằng PVC, có điện áp danh định đến và bằng 450/750V		Cáp không có vỏ bọc dùng để lắp đặt cố định 6610 TCVN 02 (227 IEC 02)	450/750V	1,5; 2,5; 4,0; 6,0; 10; 16; 25; 35; 50; 70; 95; 120; 150; 185; 240	TCVN 6610-3:2000 (IEC 227-3:1993 Amendment 1:1997)
3.	Cáp cách điện bằng PVC, có điện áp danh định đến và bằng 450/750V		Cáp không có vỏ bọc dùng để lắp đặt cố định 6610 TCVN 05 (227 IEC 05)	300/500V	0,5; 0,75; 1,0	TCVN 6610-3:2000 (IEC 227-3:1993 Amendment 1:1997)
4.	Cáp cách điện bằng PVC, có điện áp danh định đến và bằng 450/750V	 43 COMPANY	Cáp không có vỏ bọc dùng để lắp đặt cố định 6610 TCVN 06 (227 IEC 06)	300/500V	0,5; 0,75; 1,0	TCVN 6610-3:2000 (IEC 227-3:1993 Amendment 1:1997)
5.	Cáp cách điện bằng PVC, có điện áp danh định đến và bằng 450/750V		Cáp có vỏ bọc dùng để lắp đặt cố định 6610 TCVN 10 (227 IEC 10)	300/500V	1,5; 2,5; 4,0; 6,0; 10; 16; 25; 35	TCVN 6610-4:2000 (IEC 227-4:1992 Amendment 1:1997)
6.	Cáp cách điện bằng PVC, có điện áp danh định đến và bằng 450/750V		Cáp mềm (dây mềm) 6610 TCVN 52 (60227 IEC 52)	300/300V	0,5; 0,75	TCVN 6610-5:2014 (IEC 60227-5:2011)
7.	Cáp cách điện bằng PVC, có điện áp danh định đến và bằng 450/750V	6610 TCVN 53 (60227 IEC 53)	300/500V	0,75; 1,0; 1,5; 2,5; 4,0; 6,0;	TCVN 6610-5:2014 (IEC 60227-5:2011)	
8.	Cáp điện có cách điện dạng đùn, dùng cho điện áp danh định bằng 1kV (Um=1,2kV) đến 3kV (Um=3,6kV)			0,6/1kV	1,5; 2,5; 4,0; 6,0; 10; 16; 25; 35; 50; 70; 95; 120; 150; 185; 240; 300; 400	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)
9.	Cáp điện vận xoắn, cách điện bằng XLPE, điện áp làm việc đến 0,6/1kV			0,6/1kV	16; 25; 35; 50; 70; 95; 120; 150	TCVN 6447:1998